



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ
ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 45

1489
NG T
ỆM H
! TO
ỆT N
HỒ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302087938, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 34 ngày 30 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là HQC được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định không số/QĐ-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028. 39 913 808
- Fax : 028. 39 919 064

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Kinh doanh nhà (trừ nhận quyền sử dụng đất để đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất). Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ môi giới nhà đất. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Môi giới bất động sản. Dịch vụ đấu giá bất động sản, định giá bất động sản.
- Xây dựng dân dụng.
- San lấp mặt bằng.
- Môi giới thương mại.
- Mua bán gốm sứ, hàng thủ công mỹ nghệ. Mua bán hàng trang trí nội thất.
- Mua bán nông hải sản, thực phẩm công nghệ. Bán buôn thủy sản. Buôn bán rau, quả (không hoạt động tại trụ sở).
- Thiết kế, tạo mẫu trên máy vi tính.
- Mua bán hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), bao bì.
- Mua bán vật liệu xây dựng. Mua bán gỗ các loại, nguyên vật liệu phục vụ ngành xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá.
- Đo đạc địa chính. Lập dự án đầu tư. Quản lý dự án. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế quy hoạch xây dựng.
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, đào tạo dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở).
- Tư vấn đầu tư trong nước. Tư vấn đầu tư nước ngoài.
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Xây dựng cầu đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành xây dựng – ngành in.
- Bán buôn ngô và các hạt ngũ cốc; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía, đường củ cải, gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục mầm non (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.
- Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Phó Chủ tịch
Ông Trương Đức Hiếu	Thành viên
Ông Trương Thái Sơn	Thành viên
Ông Lê Đình Viên	Thành viên
Ông Lê Thành Nam	Thành viên
Ông Trần Thái Sơn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thành Văn	Trưởng Ban
Bà Lê Phùng Nhã Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Điểm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2018
Ông Trần Tiến Danh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2018
Ông Nguyễn Long Triều	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 02/07/2018
Ông Nguyễn Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 02/07/2018
Ông Lê Tuyển Cử	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2018
Ông Lê Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2018
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2018
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2018
Ông Trần Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Anh Tuấn

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông TRƯƠNG ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.18 của Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty thực hiện việc phát hành hoá đơn và kê khai, nộp thuế theo từng lần xuất hoá đơn cho Cục thuế TP. Hồ Chí Minh trong thời gian còn chờ giải quyết số thuế còn tồn đọng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với các báo cáo này tại ngày 29 tháng 08 năm 2017 và 14 tháng 04 năm 2018.



TRANG ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.770.801.582.129	3.770.265.804.796
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.743.309.067	44.814.786.341
Tiền	111		34.743.309.067	44.814.786.341
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.918.860.117.507	2.826.533.822.834
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	976.369.416.047	891.782.588.294
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.467.860.294.155	1.418.818.557.463
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	296.582.815.086	329.855.144.190
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	236.316.111.142	243.346.267.537
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(58.976.638.916)	(57.976.854.643)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	708.119.993	708.119.993
Hàng tồn kho	140	5.8	801.075.041.199	877.638.177.043
Hàng tồn kho	141		801.075.041.199	877.638.177.043
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.123.114.356	21.279.018.578
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	202.187.451	288.076.747
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.207.310.383	19.277.325.309
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	1.713.616.522	1.713.616.522
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.522.058.913.762	2.523.278.683.682
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.274.495.385.071	2.274.480.385.071
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	902.479.640.071	902.479.640.071
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.372.015.745.000	1.372.000.745.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		10.166.984.428	11.145.703.348
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	9.034.126.175	10.283.800.097
Nguyên giá	222		22.839.519.458	23.163.488.549
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.805.393.283)	(12.879.688.452)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.132.858.253	861.903.251
Nguyên giá	228		1.468.463.000	1.141.493.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(335.604.747)	(279.589.749)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.343.877.140	14.343.877.140
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.12	14.183.617.073	14.183.617.073
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	160.260.067	160.260.067
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	221.445.895.544	221.701.946.544
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		217.360.927.946	217.360.927.946
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.188.880.000	4.444.931.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(103.912.402)	(103.912.402)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.606.771.579	1.606.771.579
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	1.606.771.579	1.606.771.579
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.292.860.495.891	6.293.544.488.478

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.029.135.955.583	2.050.225.651.921
Nợ ngắn hạn	310		1.982.786.630.540	1.815.228.528.209
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	75.979.654.561	82.890.117.604
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	844.124.855.890	664.777.164.409
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	75.168.913.416	90.192.227.469
Phải trả người lao động	314		14.995.674.445	13.654.102.462
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	261.153.518.278	248.439.249.221
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	226.856.930.437	83.822.666.872
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	482.051.579.589	629.193.628.240
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.22	2.455.503.924	2.259.371.932
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		46.349.325.043	234.997.123.712
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.20	46.085.625.043	189.506.023.712
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	263.700.000	45.491.100.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

286 - 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.263.724.540.308	4.243.318.836.557
Vốn chủ sở hữu	410	5.23	4.263.724.540.308	4.243.318.836.557
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.766.000.000.000	4.766.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		4.766.000.000.000	4.766.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(576.461.073.797)	(624.322.603.005)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(7.260.000)	(7.260.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.729.509.154	5.271.867.840
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.463.364.951	96.376.831.722
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.861.529.208	30.999.501.046
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.601.835.743	65.377.330.676
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.292.860.495.891	6.293.544.488.478

HÀ THỊ DIỄM
Người lập biểu

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng



PHẠM MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		269.473.102.982	428.135.971.383
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		54.915.509.026	42.871.522.593
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	214.557.593.956	385.264.448.790
Giá vốn hàng bán	11	6.2	143.485.182.641	250.790.962.606
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.072.411.315	134.473.486.184
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	64.600.834.888	16.991.788.310
Chi phí tài chính	22	6.4	32.144.913.890	35.290.685.236
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		30.882.768.126	35.047.311.440
Chi phí bán hàng	25	6.5	20.165.964.719	12.986.870.798
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	54.291.402.135	35.284.898.987
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.070.965.459	67.902.819.473
Thu nhập khác	31	6.7	3.027.441.914	599.153.566
Chi phí khác	32	6.8	5.327.008.975	9.379.510.013
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		(2.299.567.061)	(8.780.356.447)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.771.398.398	59.122.463.026
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	6.169.562.655	13.484.533.160
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.601.835.743	45.637.929.866
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	43	105

HÀ THỊ DIỄM
 Người lập biểu

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
 Kế toán trưởng



PHẠM MINH
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	26.771.398.398	59.122.463.026
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.358.216.193	1.423.342.062
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	999.784.273	(14.725.184.718)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(60.020.940.281)	(13.482.751.200)
Chi phí lãi vay	06	30.882.768.126	35.047.311.440
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(8.773.291)	67.385.180.610
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(137.263.933.657)	(85.739.939.084)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	76.563.135.844	(85.515.006.187)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	174.893.500.762	92.415.708.917
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	85.889.296	19.384.989
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.725.928.376)	(56.119.603.106)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.136.282.846)	(6.046.712.279)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	73.407.607.732	(73.600.986.140)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(379.497.273)	(61.800.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(105.513.255.508)	(142.394.362.525)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	138.785.584.612	244.853.577.434
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	256.051.000	2.800.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.741.480.814	16.554.751.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	108.890.363.645	121.752.166.109
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.528.896.714	91.677.140.200
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(193.898.345.365)	(162.901.367.923)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(192.369.448.651)	(71.224.227.723)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(10.071.477.274)	(23.073.047.754)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	44.814.786.341	69.262.486.113
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		34.743.309.067	46.189.438.359

HÀ THỊ DIỄN
Người lập biểu

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng

PHẠM MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302087938, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 34 ngày 30 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là HQC được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định không số/QĐ-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là từ 02 đến 03 năm.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
– Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân	270 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Thẩm định giá trị bất động sản, dự án đầu tư	32%	32%	32%
– Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông	Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh bất động sản	32%	32%	32%
– Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	26 Yersin, Phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh bất động sản	40%	40%	40%
– Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á	254 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	20%	20%	20%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
– Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	99 liên tỉnh lộ 25B, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	159A Phan Đăng Lưu, phường Long Hương, TP. Bà Rịa Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Lô A2 19-20 Khu nhà ở chuyên gia, công nhân và dịch vụ Bình Minh, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	272 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	47C/2 ấp 3, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	270 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Học Môn, Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân – Trung tâm giao dịch bất động sản Hoàng Quân	15E ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	339 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	353 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	286 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 55C Cây Keo, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	C 15-16 Khu nhà ở Nam Hiệp Thành, đường Trường Chinh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	T6 tòa nhà Võ Đình, đường TA 14, phường Thới An, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 379 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 406 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí thực hiện các dự án.
- Thành phẩm bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

4.7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, cho vay ngắn hạn, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông	Công ty liên kết
Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	Công ty liên kết
Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á	Công ty liên kết
Công ty CP Việt Kiến Trúc	Công ty liên quan
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận	Công ty liên quan
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	Công ty liên quan
Công ty CP Đầu tư Nam Quân	Công ty liên quan
Công ty CP Cảng Bình Minh	Công ty liên quan
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh	Công ty liên quan
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh	Công ty liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	Công ty liên quan
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Bình Thuận	Công ty liên quan
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ và Quản lý Cao ốc HQ	Công ty liên quan
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	Công ty liên quan
Trường Trung cấp du lịch Mũi Né	Công ty liên quan
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương	Công ty liên quan
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tự Cường	Công ty liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Phát	Công ty liên quan
Công ty TNHH Giải trí Bình Minh	Công ty liên quan
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	22.255.895.515	32.836.238.507
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	12.482.341.543	11.973.325.552
- USD	5.072.009	5.222.282
	34.743.309.067	44.814.786.341

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 244,53 USD, tương đương 5.072.009 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.2 Phải thu ngắn hạn, dài hạn của khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải thu bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	73.189.890.630	73.189.890.630
Công ty CP Việt Kiến Trúc	357.929.202	357.929.202
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mekong	17.354.455.276	17.264.455.276
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	95.811.480.000	95.811.480.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Quản lý Cao ốc Hoàng Quân	83.997.336.091	83.997.336.091
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh	43.669.256.491	43.785.517.926
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Bình Thuận	4.186.877.963	3.980.553.634
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tự Cường	24.974.280.000	24.974.280.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Phát	28.324.000.000	28.324.000.000
Các cá nhân có liên quan	13.288.954.475	13.288.954.475
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng mua bất động sản	591.198.955.919	506.792.191.060
Các khách hàng khác	16.000.000	16.000.000
	976.369.416.047	891.782.588.294

5.2.2 Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải thu bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh	422.795.120.071	422.795.120.071
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tự Cường	224.768.520.000	224.768.520.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Phát	254.916.000.000	254.916.000.000
	902.479.640.071	902.479.640.071

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Trả trước người bán bên liên quan</i>		
Công ty CP Cảng Bình Minh	14.820.000.000	11.709.000.000
Công ty CP Việt Kiến Trúc	6.264.542.095	5.170.934.095
Công ty TNHH Dịch Vụ và Quản lý Cao ốc Hoàng Quân	1.046.624.920	1.046.624.920
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	19.236.697.783	17.877.833.973
Công ty CP Đầu tư Nam Quân	444.259.509	1.079.726.020
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh	50.762.629.000	49.762.629.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh	796.799.986.739	799.363.996.382
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Bình Thuận	258.259.373.443	227.024.277.121
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mekong	6.397.000.000	6.397.000.000
<i>Trả trước người bán khác</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo	231.516.460.415	232.863.622.233
Các tổ chức và cá nhân khác	82.312.720.251	66.522.913.719
	1.467.860.294.155	1.418.818.557.463

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Cho các bên liên quan mượn tiền</i>		
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận	26.209.400.000	25.709.400.000
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	45.445.010.967	53.922.999.967
Công ty CP Cảng Bình Minh	80.000.000	55.835.188.167
Công ty CP Việt Kiến Trúc	11.282.870.970	7.745.501.106
Công ty TNHH Luật Hoàng Quân	875.200.000	575.200.000
Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	9.910.454.753	8.002.822.025
Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á	1.324.208.752	1.324.208.752
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh	53.503.995.085	30.921.034.981
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Bình Thuận	2.003.493.283	1.753.493.283
Công ty CP Đầu tư Nam Quân	7.590.158.034	4.140.390.393
Công ty CP Xây dựng và Đô Thị Tây Ninh	2.552.447.920	1.925.637.920
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	14.385.432.250	14.182.932.250
Công ty TNHH Dịch vụ và Quản lý Cao ốc HQ	23.099.320.174	21.563.080.000
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	3.733.596.116	985.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	79.240.000	79.240.000
Ông Phan Chí Tâm	10.605.153.133	12.599.651.557
<i>Trả trước người bán khác</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo	31.877.779.464	23.916.979.566
Các tổ chức và cá nhân khác	52.025.054.185	65.656.399.223
	296.582.815.086	329.855.144.190

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu bên liên quan</i>				
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ				
- Tiền chuyển nhượng dự án	25.700.000.000	-	25.700.000.000	-
- Cổ tức được chia	-	-	1.099.131.900	-
Công ty CP Cảng Bình Minh				
- Lãi cho vay	7.985.280.563	-	22.606.689.196	-
Công ty CP Xây Dựng & Kinh Doanh Nhà Bình Thuận				
- Lãi cho vay	122.180.000	-	122.180.000	-
Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang				
- Ứng phí tư vấn của D.A Nha Trang	93.000.000.000	-	93.000.000.000	-
Hội đồng quản trị - tạm ứng	279.378.668	-	289.378.668	-
Ban điều hành, quản lý - tạm ứng	1.464.210.646	-	1.503.744.011	-
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ký cược, ký quỹ	8.067.606.000	-	8.031.106.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt Phương Nam - tiền chuyển nhượng vốn	52.287.650.000	-	52.287.650.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	47.409.805.265 (10.455.479.128)	-	38.706.387.762 (10.455.479.128)	-
	236.316.111.142 (10.455.479.128)	-	243.346.267.537 (10.455.479.128)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ – góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (1)	179.500.000.000	-	179.500.000.000	-
Công ty CP Cảng Bình Minh – góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (2)	650.000.000.000	-	650.000.000.000	-
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông – góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (3)	322.019.300.000	-	322.019.300.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương – phải thu tiền hợp tác kinh doanh (4)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Quý Phát triển nhà ở TP. Hồ Chí Minh – góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	20.431.445.000	-	20.431.445.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	65.000.000	-	50.000.000	-
	1.372.015.745.000	-	1.372.000.745.000	-

- (1) Công ty góp vốn theo Hợp đồng hợp tác với Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ thực hiện các dự án: Dự án khu dân cư Trường Thạnh (7 ha) và Khu nhà ở xã hội (10,74 ha) tại TP. Cần Thơ; Dự án Trường đại học Đồng bằng Sông Cửu Long; dự án 44 căn nhà liên kế tại lô số 11A thuộc khu Đô thị mới nam sông Cần Thơ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
- (2) Công ty góp vốn theo Hợp đồng hợp tác với Công ty CP Cảng Bình Minh thực hiện các dự án: Dự án Khai thác đầu tư và xây dựng Cảng Bình Minh – Vĩnh Long; Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh công trình Cảng Bình Minh (gồm cầu cảng, hạ tầng, kho bãi) tại dự án Khu công nghiệp Bình Minh, xã Mỹ Hoà, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
- (3) Công ty góp vốn theo Hợp đồng hợp tác với Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông thực hiện Dự án xây dựng nhà ở xã hội Khu công nghiệp Bình Minh tại xã Mỹ Hoà, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
- (4) Công ty góp vốn theo Hợp đồng hợp tác với Công ty CP Đầu tư phát triển Bất động sản Đông Dương thực hiện Dự án toà nhà Royal Tower tại Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyễn Thiên Vũ - Tiền thu từ lỗ dự án HQC Plaza	621.983.192	(621.983.192)	621.983.192	(621.983.192)
Tiền thu không được từ các sản giao dịch đã ngừng hoạt động	86.136.801	-	86.136.801	-
	708.119.993	(621.983.192)	708.119.993	(621.983.192)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.7 Nợ xấu

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản tạm ứng	4.840.743.746	1.226.875.895	3.941.086.018	327.218.167
Các khoản cho mượn	45.416.383.825	17.017.109.717	45.411.384.488	18.041.894.653
Các khoản phải thu khác	195.311.625.109	188.396.548.832	6.915.076.277	-
Các khoản trả trước người bán	44.433.241.737	24.995.804.249	24.894.351.961	5.467.914.474
Tài sản thiếu chờ xử lý	708.119.993	86.136.801	621.983.192	-
	290.710.114.410	231.722.475.494	81.783.881.936	23.837.027.294

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu thương mại, cho vay ngắn hạn như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tại ngày đầu kỳ	(57.976.854.643)	(55.742.547.632)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(999.784.273)	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(2.234.307.011)
Tại ngày cuối kỳ	(58.976.638.916)	(57.976.854.643)

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SX kinh doanh dở dang	617.160.778.634	-	561.650.846.832	-
Hàng hoá bất động sản	183.914.262.565	-	315.987.330.211	-
	801.075.041.199	-	877.638.177.043	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	134.806.756	162.627.097
Chi phí sửa chữa	37.380.695	103.449.650
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.000.000	22.000.000
	202.187.451	288.076.747

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	3.370.551.063	18.544.160.180	1.248.777.306	23.163.488.549
Tăng trong kỳ	-	-	52.527.273	52.527.273
Thanh lý trong kỳ	-	(376.496.364)	-	(376.496.364)
Tại ngày 30/06/2018	3.370.551.063	18.167.663.816	1.301.304.579	22.839.519.458
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	716.242.062	11.139.591.156	1.023.855.234	12.879.688.452
Khấu hao trong kỳ	84.263.772	1.181.254.920	36.682.503	1.302.201.195
Thanh lý trong kỳ	-	(376.496.364)	-	(376.496.364)
Tại ngày 30/06/2018	800.505.834	11.944.349.712	1.060.537.737	13.805.393.283
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	2.654.309.001	7.404.569.024	224.922.072	10.283.800.097
Tại ngày 30/06/2018	2.570.045.229	6.223.314.104	240.766.842	9.034.126.175

- g
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 4.608.535.214 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.985.031.578 VND).
 - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 3.458.170.880 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.750.302.680 VND) – Xem thêm mục 5.21.

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2018	1.141.493.000
Tăng trong kỳ	326.970.000
Tại ngày 30/06/2018	1.468.463.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2018	279.589.749
Khấu hao trong kỳ	56.014.998
Tại ngày 30/06/2018	335.604.747
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2018	861.903.251
Tại ngày 30/06/2018	1.132.858.253

5.12 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các dự án	14.183.617.073	14.183.617.073
	14.183.617.073	14.183.617.073

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2018	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng chi nhánh Cần Thơ	160.260.067	-	-	160.260.067
	160.260.067	-	-	160.260.067

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	217.360.927.946	-	217.360.927.946	-	-	-
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân (1)	1.600.000.000	-	(*)	1.600.000.000	-	(*)
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông (2)	166.560.927.946	-	(*)	166.560.927.946	-	(*)
Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang (3)	48.000.000.000	-	(*)	48.000.000.000	-	(*)
Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á (4)	1.200.000.000	-	(*)	1.200.000.000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.188.880.000	(103.912.402)		4.444.931.000	(103.912.402)	
Công ty Du lịch Ninh Thuận (5)	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)
Công ty CP Chứng khoán KIS Việt Nam (6)	1.080.000.000	(103.912.402)	(*)	1.080.000.000	(103.912.402)	(*)
Công ty CP đầu tư Doanh nghiệp trẻ Việt Nam (7)	2.108.880.000	-	(*)	2.108.880.000	-	(*)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển nhà	-	-		256.051.000	-	(*)
Tổng Cộng	221.549.807.946	(103.912.402)		221.805.858.946	(103.912.402)	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

- (1) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân với giá trị 1.600.000.000 VND, chiếm 32% vốn điều lệ.
- (2) Công ty đầu tư vào Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông với giá trị 166.560.927.946 VND, chiếm 32% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

- (3) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang với giá trị 48.000.000.000 VND, chiếm 40% vốn điều lệ.
- (4) Công ty đầu tư vào Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á với giá trị 1.200.000.000 VND, chiếm 20% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tại ngày đầu kỳ	(103.912.402)	(103.912.402)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tại ngày cuối kỳ	(103.912.402)	(103.912.402)

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông		
- Thu lại tiền cho mượn	1.700.022.500	17.758.566.500
- Mượn tiền, thu hộ	46.635.323.200	50.932.140.200
- Thu hộ	-	2.927.507.500
- Doanh thu môi giới	-	3.761.777.802
Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang		
- Cho mượn tiền	1.907.632.728	1.777.485.999
Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á		
- Cho mượn	-	89.384.946

5.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tại ngày đầu kỳ	1.606.771.579	1.606.771.579
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	-
Tại ngày cuối kỳ	1.606.771.579	1.606.771.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Luật Hoàng Quân	672.326.144	872.326.144
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Xây dựng Công trình giao thông 507	2.213.170.857	2.212.465.546
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh nhà	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Học Môn	15.036.123.538	15.036.123.538
Công ty Cổ phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh và Đô Thị Vũng Tàu	29.000.000.000	29.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	28.058.034.022	34.769.202.376
	75.979.654.561	82.890.117.604

5.16.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mêkông	272.326.335.918	272.326.335.918
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>		
Các khách hàng mua bất động sản khác	571.798.519.972	392.450.828.491
	844.124.855.890	664.777.164.409

5.18 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2018	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	-	-	13.670.059.150	(12.193.675.362)	1.476.383.788	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.977.164.089	-	6.169.562.655	(27.136.282.846)	36.010.443.898	-
Thuế TNDN tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	(1.713.616.522)	-	-	-	(1.713.616.522)
Thuế thu nhập cá nhân	9.311.918.633	-	2.000.967.258	(160.904.877)	11.151.981.014	-
Các loại thuế khác	1.670.093.867	-	-	-	1.670.093.867	-
Các khoản phải nộp khác	22.233.050.880	-	2.626.959.969	-	24.860.010.849	-
	90.192.227.469	(1.713.616.522)	24.467.549.032	(39.490.863.085)	75.168.913.416	(1.713.616.522)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tại thời điểm đầu năm 2018, Công ty còn nợ số tiền thuế phải nộp Nhà nước gần 88 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty đã có những văn bản gửi các cơ quan Nhà nước như: Văn phòng chính phủ, Bộ tài chính, Bộ xây dựng, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Sở tài chính TP. Hồ Chí Minh về việc đề nghị chấp nhận cho Công ty được cản trừ các khoản quyền lợi Công ty được hoàn từ ngân sách Nhà nước để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, tạo điều kiện để Công ty tập trung nguồn vốn triển khai các dự án nhà ở xã hội trong bối cảnh nguồn vốn hỗ trợ tín dụng của Nhà nước đối với nhà ở xã hội chưa được bố trí tiếp.

Cụ thể, Công ty đề nghị cản trừ khoản được hoàn trả lại tiền sử dụng đất đã nộp cho Dự án nhà ở xã hội HQC Plaza tại huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 22.894.269.326 VND và đề nghị hoàn trả lại tiền đất tái định cư đối với Dự án khu tái định cư Bến Lức khu 17 – Đô thị mới Nam thành phố, liên quan đến việc Công ty đã bàn giao 13.749,81 m² đất tại dự án để UBND Quận 8 bố trí tái định cư. Đồng thời, Công ty cũng đã có công văn gửi Tổng cục thuế, Cục thuế TP. Hồ Chí Minh để xin cản trừ tiền sử dụng đất, tiền tái định cư nêu trên, tiền thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ vào tiền nợ thuế với số tiền được hoàn ước tính khoảng 100 tỷ VND.

Đề nghị của Công ty nhận được sự đồng thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đang xem xét các quy định pháp luật đối với doanh nghiệp làm nhà ở xã hội để giải quyết hoàn trả lại tiền, cản trừ nợ thuế để Công ty tất toán nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Trong khi đó, do áp dụng theo Luật quản lý thuế nên Cục thuế TP. Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp cho phép Công ty thực hiện việc phát hành hoá đơn và kê khai, nộp thuế theo từng lần xuất hoá đơn trong thời gian giải quyết số thuế còn tồn đọng.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động nhà ở xã hội là 5%, hoạt động khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Đối với thu nhập từ bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.771.398.398	59.122.463.026
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.076.414.878	9.782.953.973
Thu nhập chịu thuế	30.847.813.276	68.905.416.999
Thu nhập được miễn thuế	-	(1.482.751.200)
Thu nhập tính thuế	30.847.813.276	67.422.665.799
Trong đó:		
- Thu nhập với thuế suất 10%	-	(3.856.321.863)
- Thu nhập với thuế suất 20%	30.847.813.276	71.278.987.662
Tổng Thuế TNDN còn phải nộp	6.169.562.655	13.484.533.160

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí dự án	216.838.731.239	218.986.440.650
Chi phí lãi vay	38.877.183.877	21.720.344.127
Chi phí thuê nhà	1.449.777.249	3.622.159.939
Chi phí môi giới	3.987.825.913	4.110.304.505
	261.153.518.278	248.439.249.221

5.20 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.20.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân – tiền mượn	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mekong – tiền mượn	51.853.104.717	6.917.804.017
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Bình Thuận – tiền mượn	1.650.000	1.650.000
Công ty CP Đầu Tư Nam Quân – tiền mượn	13.019.727.670	39.795.380
Công ty CP Đầu Tư Nam Quân – phải trả lại tiền do thanh lý hợp đồng	10.963.020.224	24.185.618.824
Công ty CP Tập đoàn Hoàng Quân	844.550	42.928.320
Công ty CP XD và Phát triển Đô thị Tây Ninh Bà Nguyễn Thị Điềm	200.000.000	-
	288.000.000	-
<i>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả lại tiền cho khách hàng do thanh lý	-	30.221.214.593
Phí bảo trì chung cư phải trả	11.941.450.978	10.577.746.000
Kinh phí công đoàn	340.527.240	159.486.080
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6.342.333.418	3.894.680.898
Công ty CP Đầu tư Hải Phát – đặc cọc HĐ HTĐT	120.000.000.000	-
Phải trả khác	11.606.271.640	7.481.742.760
	226.856.930.437	83.822.666.872

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.20.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả bên liên quan – tiền mượn		
Ông Trương Anh Tuấn	20.069.600.000	152.857.657.675
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	26.016.025.043	36.648.366.037
	<u>46.085.625.043</u>	<u>189.506.023.712</u>

5.20.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.21 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.21.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả				
Vay dài hạn đến hạn trả cho bên liên quan				
Công ty CP TV – TM – Dịch Vụ Địa Ốc Hoàng Quân Mêkông	42.994.184.618	42.994.184.618	42.994.184.618	42.994.184.618
Công ty CP Việt Kiến Trúc	40.745.000.000	40.745.000.000	40.745.000.000	40.745.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương	-	-	74.224.254.370	74.224.254.370
Ông Vũ Trọng Đắc	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả cho các tổ chức khác				
Công ty CP MegaSky	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	73.500.000.000	73.500.000.000
Ngân hàng BIDV – chi nhánh Bắc Sài Gòn (1)	306.602.789.252	306.602.789.252	306.602.789.252	306.602.789.252
Ngân hàng TMCP Quốc Dân – chi nhánh Sài Gòn (2)	1.230.300.000	1.230.300.000	820.200.000	820.200.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	479.305.719	479.305.719	307.200.000	307.200.000
	<u>482.051.579.589</u>	<u>482.051.579.589</u>	<u>629.193.628.240</u>	<u>629.193.628.240</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	01/01/2018 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển nợ đến hạn từ nợ dài hạn VND	Số tiền trả nợ vay trong kỳ VND	30/06/2018 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả					
Bên liên quan	212.963.438.988	-	-	(74.224.254.370)	138.739.184.618
Các tổ chức khác	416.230.189.252	1.528.896.714	45.227.400.000	(119.674.090.995)	343.312.394.971
	<u>629.193.628.240</u>	<u>1.528.896.714</u>	<u>45.227.400.000</u>	<u>(193.898.345.365)</u>	<u>482.051.579.589</u>

5.21.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	44.100.000.000	44.100.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Sài Gòn (2)	135.700.000	135.700.000	955.900.000	955.900.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	128.000.000	128.000.000	435.200.000	435.200.000
	263.700.000	263.700.000	45.491.100.000	45.491.100.000

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2018 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	30/06/2018 VND
Vay dài hạn ngân hàng	45.491.100.000	-	45.227.400.000	263.700.000
	45.491.100.000	-	45.227.400.000	263.700.000

Thông tin một số khoản vay như sau:

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 17 tháng 12 năm 2013 được chi tiết như sau:
 Mục đích vay : Đầu tư Dự án Nhà ở Xã hội khu Chung cư CC1 – Khu 2 tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
 Thời hạn vay : 42 tháng
 Lãi suất vay : 5,0%/năm
 Hình thức đảm bảo : Quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ601217)
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân – Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 100/15/HĐTD/101-2L ngày 13 tháng 02 năm 2015 được chi tiết như sau:
 Mục đích vay : Mua xe ô tô tải
 Thời hạn vay : 36 tháng
 Lãi suất vay : 9,0% trong 12 tháng đầu, các tháng tiếp theo: lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng biên độ.
 Hình thức đảm bảo : Bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – Phòng giao dịch Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 147/PN-HĐTD ngày 28 tháng 05 năm 2015 được chi tiết như sau:
 Mục đích vay : Mua xe ô tô
 Thời hạn vay : 60 tháng
 Lãi suất vay : Lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 4,5%/năm (khoảng 12,5%/năm)
 Hình thức đảm bảo : Bằng tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.21.3 Vay quá hạn chưa thanh toán

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có khoản vay từ Ngân hàng BIDV – chi nhánh Bắc Sài Gòn có số dư gốc là 306.602.789.252 VND đã quá hạn nhưng chưa thanh toán.

5.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tại ngày đầu kỳ	2.259.371.932	2.259.371.932
Trích từ lợi nhuận	196.131.992	-
Tại ngày cuối kỳ	2.455.503.924	2.259.371.932

5.23 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2017	4.266.000.000.000	(646.800.000.000)	26.996.876.394	(7.260.000)	5.271.867.840	30.999.501.046	3.682.460.985.280
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	500.000.000.000	-	-	-	-	-	500.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	45.637.929.866	45.637.929.866
Thặng dư vốn cổ phần các trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn trong kỳ này	-	22.477.396.995	(26.996.876.394)	-	-	-	(4.519.479.399)
Số dư 30/06/2017	<u>4.766.000.000.000</u>	<u>(624.322.603.005)</u>	<u>-</u>	<u>(7.260.000)</u>	<u>5.271.867.840</u>	<u>76.637.430.912</u>	<u>4.223.579.435.747</u>
Số dư 01/07/2017	4.766.000.000.000	(624.322.603.005)	-	(7.260.000)	5.271.867.840	76.637.430.912	4.223.579.435.747
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	19.739.400.810	19.739.400.810
Số dư 31/12/2017	<u>4.766.000.000.000</u>	<u>(624.322.603.005)</u>	<u>-</u>	<u>(7.260.000)</u>	<u>5.271.867.840</u>	<u>96.376.831.722</u>	<u>4.243.318.836.557</u>
Số dư 01/01/2018	4.766.000.000.000	(624.322.603.005)	-	(7.260.000)	5.271.867.840	96.376.831.722	4.243.318.836.557
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	20.601.835.743	20.601.835.743
Trích lập quỹ	-	-	-	-	457.641.314	(653.773.306)	(196.131.992)
Trích bù thặng dư vốn cổ phần từ lợi nhuận chưa phân phối	-	47.861.529.208	-	-	-	(47.861.529.208)	-
Số dư 30/06/2018	<u>4.766.000.000.000</u>	<u>(576.461.073.797)</u>	<u>-</u>	<u>(7.260.000)</u>	<u>5.729.509.154</u>	<u>68.463.364.951</u>	<u>4.263.724.540.308</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 34 ngày 30 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 4.766.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn.

5.23.3 Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	476.600.000	476.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	476.600.000	476.600.000
• Cổ phiếu phổ thông	476.600.000	476.600.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(726)	(726)
• Cổ phiếu phổ thông	(726)	(726)
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	476.599.274	476.599.274
• Cổ phiếu phổ thông	476.599.274	476.599.274
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.23.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2018 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	457.641.314
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	196.131.992
• Trích bù thặng dư vốn cổ phần	47.861.529.208
	48.515.302.514

5.24 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dolla Mỹ (USD)	244,53	257,73

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán bất động sản	252.243.812.436	403.897.218.566
Doanh thu hoạt động xây dựng	4.934.018.181	9.262.501.817
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.295.272.365	14.976.251.000
	269.473.102.982	428.135.971.383
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(54.915.509.026)	(42.871.522.593)
	(54.915.509.026)	(42.871.522.593)
Doanh thu thuần	214.557.593.956	385.264.448.790

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.1 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	135.987.785.057	233.501.549.743
Giá vốn của hoạt động xây dựng	4.246.745.454	8.697.956.362
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.250.652.130	8.591.456.501
	143.485.182.641	250.790.962.606

6.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi	20.940.281	33.016.287
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.482.751.200
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	60.000.000.000	12.000.000.000
Lãi bán chứng khoán	1.273.440.686	-
Lãi bán hàng trả chậm	3.306.453.921	3.476.020.823
	64.600.834.888	16.991.788.310

6.3 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	30.882.768.126	35.047.311.440
Chi phí tài chính khác	1.262.145.764	243.373.796
	32.144.913.890	35.290.685.236

6.4 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.056.194.300	2.492.911.294
Chi phí công cụ, đồ dùng	25.404.746	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	284.390.316
Chi phí hỗ trợ khác hàng mua dự án	12.519.154.433	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.299.745.502	4.742.860.888
Chi phí bán hàng khác	265.465.738	5.466.708.300
	20.165.964.719	12.986.870.798

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.262.157.815	23.215.488.289
Chi phí đồ dùng	137.630.482	304.326.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.344.212.025	1.138.951.746
Thuế, phí và lệ phí	336.776.725	161.581.623
Dự phòng / (hoàn nhập) phải thu khó đòi	999.784.273	(14.725.184.718)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.342.994.312	15.706.890.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.867.846.503	9.482.844.269
	54.291.402.135	35.284.898.987

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	240.925.000	483.304.906
Lãi thanh lý tài sản cố định	63.636.364	-
Phí môi giới	987.500.000	-
Cho thuê công trình	327.272.727	-
Xử lý mất cọc	330.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	1.078.107.823	115.848.660
	3.027.441.914	599.153.566

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Phạt do vi phạm hợp đồng	316.151.587	3.104.992.818
Tiền chậm nộp thuế	2.212.490.032	6.274.517.195
	2.798.367.356	-
	5.327.008.975	9.379.510.013

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	20.601.835.743	45.637.929.866
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.601.835.743	45.637.929.866
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP 476.599.274	434.932.607
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP 43	105

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	476.599.274	426.599.274
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng do chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu ngày 31/05/2017	-	8.333.333
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	476.599.274	434.932.607

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	171.066.250	304.326.847
Chi phí nhân công	39.071.009.972	37.636.464.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.358.216.193	1.423.342.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.882.727.708	166.968.850.705
Chi phí khác	10.733.403.784	92.729.747.878
	140.216.423.907	299.062.732.391

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	-	500.000.000.000
	-	500.000.000.000

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.528.896.714	91.677.140.200
	1.528.896.714	91.677.140.200

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	193.898.345.365	162.901.367.923
	193.898.345.365	162.901.367.923

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2018			
Các khoản vay	482.051.579.589	263.700.000	482.315.279.589
Phải trả người bán	75.979.654.561	-	75.979.654.561
Chi phí phải trả	261.153.518.278	-	261.153.518.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	220.174.069.779	46.085.625.043	266.259.694.822
	1.039.358.822.207	48.604.125.043	1.085.708.147.250
Ngày 01 tháng 01 năm 2018			
Các khoản vay	629.193.628.240	629.193.628.240	674.684.728.240
Phải trả người bán	82.890.117.604	-	82.890.117.604
Chi phí phải trả	248.439.249.221	-	248.439.249.221
Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.768.499.894	79.768.499.894	269.274.523.606
	1.040.291.494.959	234.997.123.712	1.275.288.618.671

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018:

- Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.10; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	1.878.849.056.118	1.794.262.228.365	1.878.849.056.118	1.794.262.228.365
Phải thu khác	1.560.773.567.476	1.608.431.936.260	1.560.773.567.476	1.608.431.936.260
Cho vay ngắn hạn	207.916.837.034	302.455.654.355	207.916.837.034	302.455.654.355
Đầu tư dài hạn	4.084.967.598	4.341.018.598	4.084.967.598	4.341.018.598
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.743.309.067	44.814.786.341	34.743.309.067	44.814.786.341
	3.686.367.737.293	3.754.305.623.919	3.686.367.737.293	3.754.305.623.919
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	482.315.279.589	674.684.728.240	482.315.279.589	674.684.728.240
Phải trả người bán	75.979.654.561	82.890.117.604	75.979.654.561	82.890.117.604
Chi phí phải trả	261.153.518.278	248.439.249.221	261.153.518.278	248.439.249.221
Các khoản phải trả khác	266.259.694.822	269.274.523.606	266.259.694.822	269.274.523.606
	1.085.708.147.250	1.275.288.618.671	1.085.708.147.250	1.275.288.618.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Ông Trương Anh Tuấn		
Cho mượn tiền	220.343.639.026	262.395.452.976
Thu lại tiền mượn	87.555.581.351	261.447.440.023
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương		
Cho mượn tiền	14.294.340.994	7.222.524.999
Thu lại tiền mượn	3.662.000.000	84.000.000
Ông Vũ Trọng Đắc		
Cho mượn tiền	-	55.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.16, 5.17, 5.20 và 5.21.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.065.516.156	2.606.194.149

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Hoàng Quân Cần Thơ		
Doanh thu môi giới	-	34.132.232
Cho mượn tiền	5.000.000.000	23.600.000.000
Trả tiền mượn	13.477.989.000	-
Công ty CP Cảng Bình Minh		
Cho mượn tiền	14.621.408.633	14.746.000.000
Trả tiền mượn	64.578.591.367	-
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân		
Cho mượn tiền	202.500.000	1.247.804.800
Công ty TNHH Dịch vụ và Quản lý Cao ốc HQ		
Cho mượn tiền	1.398.944.500	20.000.000
Cung cấp dịch vụ	418.424.271	-
Công ty CP Đầu tư Nam Quân		
Cho mượn tiền	12.979.932.290	15.608.762.286
Trả tiền mượn	18.917.876.101	-
Thuê xe	422.000.000	532.545.450
Ứng trước tiền cung cấp vật tư	-	698.000.000
Cung cấp dịch vụ	12.020.544.182	11.122.061.116
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương		
Mượn tiền	2.179.303.353	39.686.675.082
Bán bất động sản	220.339.704.648	7.949.079.941
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh		
Trả tiền mượn	8.461.552.612	1.571.976.692
Cho mượn tiền	31.044.512.716	21.052.715.379
Ứng trước tiền thi công công trình	30.948.932.637	86.178.237.443
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Bình Thuận		
Cho mượn tiền	250.000.000	2.348.000.000
Ứng trước tiền thi công công trình	2.575.298.096	110.477.957.144
Cung cấp dịch vụ	187.567.572	-
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân		
Trả tiền mượn	300.000.000	192.000.000
Nhận cung cấp dịch vụ pháp lý	200.000.000	1.454.545.456
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân		
Phí môi giới	3.059.048.013	7.082.714.132
Mượn tiền	3.739.986.116	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

286 – 288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân		
Cung cấp dịch vụ	-	2.937.600.000
Công ty CP Việt Kiến Trúc		
Ứng trước chi phí tư vấn thiết kế	968.608.000	9.821.497.275
Ứng trước chi phí thuê xe	125.000.000	136.363.637
Cho mượn tiền	17.537.369.864	3.125.944.445
Trả tiền mượn	14.000.000.000	4.074.500.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh		
Cho mượn tiền	2.128.810.000	1.913.000.000
Trả tiền mượn	1.502.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	2.656.334.828	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.16, 5.17, 5.20 và 5.21.


9.2 Thông tin về bộ phận


Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.


Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính bởi vì ban Tổng giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và khu vực phía nam Việt Nam.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.


HÀ THỊ DIỄM
Người lập


NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng


PHẠM MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

